

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HSST

Ngày: 23 – 4 – 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Tùng.
2. Ông Huỳnh Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019. Đối với các bị cáo:

1/ Phạm Văn S, sinh năm 1998; tại V; Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S (sống) và bà Kim Thị Lệ X (sống); chưa vợ; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 25/12/2018 cho đến nay.

2/ Đỗ Minh H, sinh năm 1988; tại S; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh S; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Công M (sống) và bà Nguyễn Ngọc Th (sống); có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 25/12/2018 cho đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1/ Ông Thạch Xà R, sinh năm 1983 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S.

2/ Ông Lê Tấn L, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S.

3/ Ông Bùi Văn T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Lâm Quốc C, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S.

2/ Ông Hà Văn T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S.

3/ Ông Trương Lương T, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 24/12/2018, bị cáo S và bị cáo H có đến nhà Lâm Quốc C để chơi ma túy. Đến khoảng 00 giờ ngày 25/12/2018, S và H bàn bạc thống nhất cùng nhau đi trộm gà. Cả hai đi đến nhà của ông Thạch Xà R, ngụ ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S thì phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83F3 - 1435, hiệu Wave Alpha màu xanh (do Trung Quốc sản xuất) để cạnh cửa nhà sau phía bên ngoài. S và H nảy sinh ý định trộm cắp xe, cả hai bàn bạc và thống nhất lấy trộm xe của ông R. Do xe của ông R có khóa cổ nên H khiêng phần đầu xe còn S đẩy phía sau xe, cả hai đẩy xe đi một đoạn khoảng 30 mét thì dừng lại, S giữ chặt phía sau yên xe để H bẻ cổ xe và tháo mối nối dây điện, sau đó S dẫn xe đi ra ngoài lộ đal. H điều khiển xe chở S đến nhà của C định gửi xe vừa trộm nhưng C không cho nên S kêu H chở đến nhà của Tr (không rõ họ tên cụ thể) ở xã B để đổi ma túy nhưng không gặp được Tr nên H chở S đến sân phơi lúa thuộc ấp C, xã B rồi dừng xe lại kêu S đem xe đi trả còn H đi về nhà C ngủ. S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83F3 – 1435 chạy lại chỗ mã đá cách nhà ông R khoảng hơn 100 mét thì S bỏ xe lại và đi về.

Ngoài ra qua quá trình điều tra bị cáo Phạm Văn S còn tự khai ra các lần trộm cắp tài sản khác ở huyện Đ nhưng chưa bị ai phát hiện. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 02 giờ sáng ngày 25/11/2018, ông Lê Tấn L để chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu xám đen sạc pin phía trên đầu giường ngủ trong phòng tại trụ sở Quản lý thị trường thuộc ấp G, thị trấn Đ. Bị cáo S đột nhập vào bên trong đi vào phòng nơi ông L đang nằm ngủ lấy trộm điện thoại di động mà ông L đang sạc pin. Đến khoảng hơn 03 giờ sáng ông L thức dậy để đi vệ sinh thì phát hiện điện thoại đã bị mất. Sau đó ông L nhờ Trương Lương T đi tìm giúp. Khoảng 4 ngày sau, T đi tìm gặp S và kêu S đem điện thoại trả cho ông L (S đưa điện thoại lại cho T và nhờ T đem đi trả cho ông Lê Tấn L).

Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ cách ngày 25/12/2018 khoảng một tuần, bị cáo S đi đến khu vực phía sau khách sạn Q, S thấy một máy cưa cây hiệu Yamashita, phần thân máy màu cam – đỏ của Bùi Văn T để gần gốc cây xoài. S đã lấy trộm máy cưa sau đó đem bán cho một người đàn ông lạ mặt (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 300.000 đồng. Sau đó Hà Văn T (S và T là bạn bè) kêu S đi chuộc máy cưa về trả lại cho T. (S đã đi chuộc lại máy cưa cây đem về đưa cho Phan Trọng Tr và nhờ Tr đưa lại cho T để T đem đi trả cho Bùi Văn T).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/HĐ.ĐGTS ngày 25/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Trần Đề kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83F3-1435, hiệu Wave Alpha (xe do Trung Quốc sản xuất), màu sơn xanh, đã qua sử dụng là 3.400.000đ (Ba triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/HĐ.ĐGTS ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Trần Đề kết luận: Giá trị còn lại của chiếc máy cưa cây hiệu Yamashita, phần thân máy màu cam – đỏ, lưỡi bằng kim loại hình răng cưa là 2.160.000đ (Hai triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng); giá trị còn lại của chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu xám đen là 2.280.000đ (Hai triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 03/CT-VKSĐT ngày 20/3/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh S đã truy tố Phạm Văn S và Đỗ Minh H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh S vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn S từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Đỗ Minh H từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Tại phiên tòa người bị hại ông Thạch Xà R trình bày phù hợp với các tình tiết như trong Cáo trạng đã nêu. Người bị hại không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn S và Đỗ Minh H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Nhất trí với lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo không tranh luận, không bào chữa cho mình; Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Thạch Xà R, ông Lê Tấn L và ông Bùi Văn T đã nhận lại được các tài sản, không yêu cầu xử lý về trách nhiệm dân sự.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83F3-1435, hiệu Wave Alpha (xe do Trung Quốc sản xuất), màu sơn xanh, đã qua sử dụng của ông Thạch Xà R; 01 chiếc máy cưa cây hiệu Yamashita, phần thân máy màu cam – đỏ của ông Bùi Văn T. Riêng chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu xám đen của ông Lê Tấn L không thu giữ được do ông L đã bán cho người khác hiện nay không còn.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, vì nó xâm phạm trực tiếp đến tài sản của các bị hại. Ngoài ra nó còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm cho người dân hoang mang lo sợ, không yên tâm lao động, sản xuất.

Các bị cáo là những người khỏe mạnh bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với ý thức là cố ý và thực hiện một cách liều lĩnh không hề lo sợ sẽ bị phát hiện. Riêng bị cáo S phạm tội nhiều lần và mỗi lần giá trị chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, cụ thể là chỉ trong thời gian ngắn, từ ngày 25/11/2018 đến ngày 25/12/2018 bị cáo S đã liên tiếp thực hiện 03 vụ trộm trên cùng một địa bàn là ấp G, nơi bị cáo cư trú (Lần 1, trộm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu xám đen; lần 2, trộm máy cưa cây hiệu Yamashita; lần 3, trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83F3 – 1435). Mục đích của các bị cáo là chiếm đoạt tài sản của người khác, các bị cáo biết rõ hành vi này là sai trái nhưng vì lòng tham, lười lao động, muốn có tiền thỏa mãn bản thân mà không phải lao động vất vả cộng với sự xem thường pháp luật nên các bị cáo đã lao vào con đường phạm tội.

Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc phân công vai trò, thể hiện sự cấu kết chặt chẽ nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo S vừa là người khởi xướng và cũng là người thực hành do đó vai trò của bị cáo S trong việc thực hiện hành vi phạm tội cao hơn bị cáo H.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Đỗ Minh H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Còn bị cáo S có một tình tiết tăng nặng thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã tự thú; thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; không tiền án, tiền sự do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Còn bị cáo H phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo H từng bị kết án nhiều lần mặc dù đã được xóa án tích theo luật định (không bị coi là có tiền án) nhưng lần phạm tội này bị cáo không phải

thuộc trường hợp phạm tội lần đầu do đó không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Tại tòa hôm nay các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Đối chiếu hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện vừa nêu trên với các quy định của Bộ luật hình sự thì các bị cáo S và H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh S truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[5] Về xử lý vật chứng: Công an huyện Đ, tỉnh S thu giữ 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha màu sơn xanh, đã qua sử dụng (xe do Trung Quốc sản xuất) biển kiểm soát 83F3-1435 của bị hại ông Thạch Xà R; thu giữ 01 máy cưa cây hiệu Yamashita của bị hại ông Bùi Văn T; riêng chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu xám đen của ông Lê Tấn L không thu giữ được do ông L đã bán cho người khác hiện nay không còn. Xét thấy xe mô tô và máy cưa cây thuộc sở hữu hợp pháp của ông R và ông T nên Công an huyện Đ đã trả lại cho các bị hại và các bị hại cũng không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Thạch Xà R, ông Lê Tấn L và ông Bùi Văn T đã nhận lại được các tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Phạm Văn S.

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đỗ Minh H.

2/ Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn S và Đỗ Minh H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

3/ Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/12/2018.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Minh H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/12/2018.

4/ Về bồi thường thiệt hại: Các bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về xử lý vật chứng: Đã hoàn trả cho các bị hại xong nên không đặt xem xét, giải quyết.

6/ Về án phí:

- Bị cáo Phạm Văn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đỗ Minh H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo và các bị hại biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với những người bị hại vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Các bị cáo;

-Các bị hại;

-TANDT tỉnh S (P.KTNV&THA);

-VKSND tỉnh S;

-Sở tư pháp tỉnh S;

-VKSND huyện Đ;

-CAND huyện Trần Đề (CQCSĐT; Bộ phận

HSNVCS; CQTHAHS; Nhà tạm giữ);

-THADS huyện Trần Đề;

-Lưu (HSVA; TA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng